

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:86/2020/HNGĐ-ST
Ngày:06-10-2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh;
2. Ông Nguyễn Hưng Thái Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 1594 Võ Văn Kiệt, phường 7, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Võ Văn B, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn B kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ

và anh B đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn B.

Về con chung: Sinh được 01 người con chung tên Võ Hoàng Quân, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2002, hiện nay cháu đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không thiếu nợ ai.

Bị đơn anh Võ Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn anh Võ Văn B.

- Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Võ Văn B.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng Quân, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị T không yêu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng, anh Võ Văn B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Võ Văn B kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo

vệ. Nay chị T xin ly hôn với anh B với lý do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng dẫn đến gây gổ và đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày. Qua xác minh được người dân địa phương cung cấp là hiện nay anh B đi làm thợ hồ và có quan hệ với người phụ nữ khác nên xét thấy mâu thuẫn đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận. Anh B đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là tự ý tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Về con chung: Cháu Võ Hoàng Quân, sinh ngày 09/11/2002, hiện đang theo sống với chị T và qua làm việc thì cháu Quân cũng có nguyện vọng theo sống với chị T, nên để đảm bảo cuộc sống bình thường cần giao cháu Quân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu giải quyết là tự nguyện, nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Về hôn nhân: Tuyên xử chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Võ Văn B.

a/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng Quân, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

b/ Về tài sản chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c/ Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp theo biên lai thu số 0000898 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị Phương T và anh Võ Văn B biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi chị T, anh B cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

Đã ký

Phạm Minh Tuấn